



VINH KHANH

TRUYỀN TẢI NIỀM TIN - CAM KẾT CHẤT LƯỢNG



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2010**

Thành lập

Tiền thân của công ty là Xí nghiệp Tư Doanh Cao Su Nhựa Vĩnh Khánh, được thành lập vào năm 1993 tại tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương). Lĩnh vực hoạt động chính của Vĩnh Khánh là sản xuất và kinh doanh ống nhựa phục vụ ngành bưu chính viễn thông.

Phát triển

■ Năm 1995

Xí nghiệp đổi tên thành Công ty TNHH Vĩnh Khánh với vốn điều lệ 5,3 tỷ VND theo Giấy phép thành lập số 396/GB.UB số phát hành 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05/12/1995 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sông Bé cấp.

■ Năm 1997

Công ty tăng vốn điều lệ lên 8,7 tỷ VND, bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh, đầu tư vào ngành Viễn thông, bắt đầu là sản xuất dây điện thoại thuê bao (dropwire).

■ Năm 1999

Nhận thức tầm quan trọng của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, Vĩnh Khánh là một trong những doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tiên phong trong việc đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002.

■ Năm 2002

Với những nỗ lực phấn đấu và vươn lên trong suốt 5 năm, Vĩnh Khánh được Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa ASEAN tuyên dương là “Đơn vị tiêu biểu 5 năm liền 1997 – 2001” (Top 60).

Những cố gắng của Vĩnh Khánh tiếp tục được Hiệp Hội Nhựa Việt Nam ghi nhận và trao tặng bằng khen “Doanh nghiệp xuất sắc 5 năm liền 1997 – 2002” (Top 24) vì trong 5 năm có tốc độ tăng trưởng 15% - 25% trên các mặt doanh thu, lợi nhuận, nộp Ngân sách Nhà nước và mức tăng tiền lương cho người lao động.

Thông tin tổng quan

■ Năm 2003

Vĩnh Khánh cổ phần hoá và đổi tên thành Công ty Cổ Phần Vĩnh Khánh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 ngày 02/06/2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp. Năm 2003 là một bước ngoặt trong lịch sử phát triển của Vĩnh Khánh vì trong năm này Vĩnh Khánh đã mạnh dạn sắp xếp, tinh giản cơ cấu ngành nghề kinh doanh theo hướng hiệu quả hơn.

■ Năm 2005

Công ty chính thức mang tên Công ty Cổ Phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh, với vốn điều lệ là 85 tỷ đồng. Từ năm 2003 đến nay, quyết định đầu tư này đã đem lại cho Vĩnh Khánh những con số ấn tượng: doanh thu năm sau tăng gần gấp đôi năm trước, tăng từ 141 tỷ đồng (năm 2004) lên 235 tỷ đồng (năm 2005), 523 tỷ (năm 2006), 598 tỷ đồng (năm 2007), 262 tỷ (năm 2008), 356 tỷ (năm 2009) và 476 tỷ (năm 2010).

■ Năm 2008

Sự chuyển đổi công nghệ từ sử dụng cáp đồng sang cáp quang trong ngành viễn thông, Vĩnh Khánh quyết định đầu tư nghiên cứu và triển khai sản xuất sản phẩm mới – cáp mạng LAN (Local Area Network) và trở thành nhà máy đầu tiên ở Việt Nam sản xuất các mặt hàng cáp mạng LAN loại Slim và Flat, phục vụ cho thị trường xuất khẩu.

■ Năm 2009

Để mở rộng phát triển, Vĩnh Khánh tăng vốn điều lệ lên 130 tỷ đồng

■ Năm 2010

Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VKC.

Trải qua 18 năm xây dựng và phát triển, từ một xí nghiệp nhỏ sản xuất ống nhựa công suất trung bình 2000 tấn/năm, đến nay Vĩnh Khánh đã mở rộng quy mô và thay đổi cơ cấu ngành nghề kinh doanh hợp lý, có khả năng cung cấp trung bình một năm 480.000 thùng cáp mạng LAN, 60.000 km dropwire, 6.000 tấn nhựa và 36.000 km cáp quang.





■ Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9002 (1994) ; phiên bản tiêu chuẩn ISO 9001:2008 ; phiên bản tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 do Quacert chứng nhận.

■ Chứng chỉ quốc tế UL (Underwriters Laboratories) đầu tiên tại Việt Nam cho sản phẩm cáp mạng LAN được sản xuất tại Việt Nam.

■ Chứng chỉ quốc tế ETL (Edison Testing Laboratories) đầu tiên tại Việt Nam cho sản phẩm cáp mạng LAN được sản xuất tại Việt Nam.

■ Chứng nhận Top 500 Doanh Nghiệp Tư Nhân lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report và Vietnamnet công nhận.

■ Bằng khen “Đơn vị tiêu biểu 5 năm liền 1996 – 2001” của Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa ASEAN.

■ Bằng khen “Doanh nghiệp xuất sắc 5 năm liền 1997 – 2002” của Hiệp Hội Nhựa Việt Nam.

■ Cúp vàng Vietbuild liên tục trong các năm 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008 và 2009.

■ Cúp vàng Thương Hiệu Việt 2006.

■ Cúp vàng Thương Hiệu Công Nghiệp Việt Nam.

■ Danh hiệu “Thương hiệu hàng đầu ngành xây dựng Việt Nam”.

■ Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do người tiêu dùng bình chọn.

■ Danh hiệu Thương hiệu nổi tiếng quốc gia 2010.

■ Bằng khen “Đơn vị thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước liên tục từ năm 1993 đến năm 2001.

■ Bằng khen “Đơn vị hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế năm 2004” của Tổng Cục Thuế.

■ Bằng khen “An ninh tự quản” và “ An toàn lao động PCCC” của UBND tỉnh Bình Dương.

■ Bằng khen “Đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động công tác Công đoàn”.



Những thành tích đạt được

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 và Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2011 – 2013.
2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2010 và trước kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.
3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2010 của Ban kiểm soát.
4. Thông qua việc chia cổ tức, trích lập các quỹ. Tỷ lệ chi trả cổ tức không thấp hơn 8% bằng tiền mặt và ủy quyền Hội Đồng Quản trị quyết định thời gian chi trả trong năm 2011.
5. Thông qua Chủ tịch Hội Đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc. Cơ cấu hội đồng quản trị 2011 gồm 5 thành viên và Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.
6. Quyết định ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai phương án phát hành 3.000.000 cổ phần hoặc trái phiếu (chuyển đổi hoặc không chuyển đổi) nhằm bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các dự án của Công ty.
7. Quyết định ủy quyền Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến việc thu hẹp hay mở rộng hay thay đổi phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng có lợi nhất cho Công ty.
8. Thông qua việc thương lượng, quyết định nắm giữ trên 50% cổ phần Công ty Cổ Phần Vĩnh Đại nhằm chủ động nguồn nguyên liệu sản xuất, tăng hiệu quả đầu tư.
9. Thông qua quyết định giữ nguyên thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010 của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không kiêm nhiệm vị trí quản lý trong Công ty cho năm tài chính 2011.
10. Quyết định ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính niên độ 2011.

Trích Nghị Quyết ĐHCĐ 2011

Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2010 đi qua với những biến động khó lường của nền kinh tế như tỷ lệ lạm phát, lãi suất, tỷ giá cùng với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các doanh nghiệp trong ngành, Vĩnh Khánh vẫn tiếp tục khẳng định được thương hiệu và vị thế của mình với tổng doanh thu hơn 476 tỷ và lợi nhuận 18.58 tỷ trong năm 2010, vượt 113% kế hoạch doanh thu và đạt 92% kế hoạch lợi nhuận đề ra. Chất lượng tăng trưởng vẫn tiếp tục là nội dung trọng tâm mà Hội đồng quản trị định hướng cho ban điều hành thực hiện. Các giải pháp lớn đã được thực hiện trong các chiến lược phát triển về nhân sự, quản lý rủi ro, thị phần, sự tuân thủ và niềm tin của công chúng.



Với hơn 18 năm kinh nghiệm trong ngành cáp, Vĩnh Khánh là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam đạt được hai chứng chỉ quốc tế UL (Underwriters Laboratories) và ETL (Edison Testing Laboratories), từ đó sản phẩm của công ty đã mạnh dạn thâm nhập thị trường nước ngoài và đã xuất khẩu cho các thị trường khó tính như Nhật Bản, Phillipine, Campuchia và được các nước trong khu vực chấp nhận. Hiện nay, Vĩnh Khánh đã đưa vào sản xuất và kinh doanh các loại cáp quang bên cạnh các mặt hàng kinh doanh truyền thống trong ngành viễn thông, năng suất trong năm 2010 của ngành cáp đạt 24.500 km. Trong chiến lược tìm kiếm đối tác và giới thiệu sản phẩm đến một số quốc gia trên thế giới, Vĩnh Khánh đã và đang tham gia hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại tại các quốc gia lớn như Đức (Hội chợ CEBIT), Ấn Độ (Convergence India), Nga (EXPO COM MOSCOW), Singapore (Communication Asia); Brasil (Netcom),

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Song song với thành quả trên, đầu quý I/2011 Vĩnh Khánh vừa triển khai thành công công nghệ tạo hạt nhựa, góp phần tạo tính đa dạng trong hoạt động kinh doanh ngành nhựa nhờ tính ứng dụng cao của hạt phục vụ cho các sản phẩm trong ngành viễn thông và cáp điện. Dự kiến, sản lượng ban đầu khoảng 150 tấn/tháng cho nhu cầu tiêu thụ nội bộ và sẽ tăng lên trong các tháng tiếp theo. Với việc đưa vào triển khai hệ thống tạo hạt nhựa mới thì công nghệ này có thể làm giảm khoảng 30% giá thành sản phẩm nhựa so với việc nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào như thông thường. Bên cạnh đó sản phẩm nhựa cũng đã xuất khẩu sang thị trường nước ngoài và có chi nhánh phân phối tại Campuchia. Với những lợi thế đó, Vĩnh Khánh sẽ tiếp tục là một trong những đơn vị chủ lực cung cấp sản phẩm ống nhựa nhờ lợi thế đa dạng về chủng loại cũng như mẫu mã.

Công ty là tổng đại lý cho vỏ xe Maxxis gần 20 năm qua, đã thiết lập và duy trì một hệ thống phân phối rộng khắp với các khách hàng trung thành trên 15 năm. Trong năm tới, Vĩnh Khánh tiếp tục làm nhà phân phối độc quyền của vỏ xe Maxxis trên toàn bộ thị trường miền Nam và miền Trung, sản phẩm bán ra sẽ đa dạng hơn và dự báo cho sự tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận.

Cổ phiếu VKC của công ty đã giao dịch chính thức trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đánh dấu một mốc phát triển lớn của Vĩnh Khánh, khẳng định quyết tâm của Ban lãnh đạo công ty trong việc khẳng định thương hiệu uy tín, minh bạch hoá hoạt động kinh doanh đồng thời mở ra cơ hội lớn về tiềm năng phát triển trong tương lai.

Trong những năm tới, GDP của nước ta sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức cao, ngành nghề công ty đang kinh doanh sẽ tiếp tục hoạt động ổn định. Đó là những nhân tố thuận lợi cho VKC phát triển, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên để tăng cường sức cạnh tranh, VKC cần nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, cải tiến sản phẩm phù hợp và đa dạng, phát triển sản phẩm mới, tập trung xuất khẩu, đẩy mạnh kinh doanh vỏ xe và mở rộng mạng lưới phân phối.

VKC luôn cải tiến hoạt động theo hướng tuân thủ chặt chẽ các quy định trong quản trị và điều hành, phù hợp với quy định luật pháp Việt Nam, tuân thủ chế độ tài chính và công bố thông tin, để duy trì và củng cố niềm tin của cổ đông nói riêng và toàn xã hội nói chung. Hội đồng quản trị mong quý cổ đông tiếp tục ủng hộ Ban điều hành. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng với chất lượng tăng trưởng của VKC đã được khẳng định qua các năm trước và các nhóm giải pháp cho các năm tới sẽ nâng thương hiệu VKC lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích lâu dài của Quý cổ đông và đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội.

Lâm Quy Chương



Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế thế giới suy thoái, tình hình lạm phát trong nước tăng cao, lãi suất tăng cao, đặc biệt là việc chuyển đổi công nghệ từ cáp đồng qua sử dụng cáp quang của ngành Bưu chính viễn thông tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Chi phí sản xuất và hoạt động kinh doanh tăng cao.
- Thiếu vốn để triển khai các dự án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và phát triển các mảng kinh doanh mới.
- Phải sử dụng đòn bẩy tài chính tài trợ cho các dự án, do đó chi phí lãi vay tăng cao.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào thay đổi với tần suất cao và có xu hướng ngày càng gia tăng.

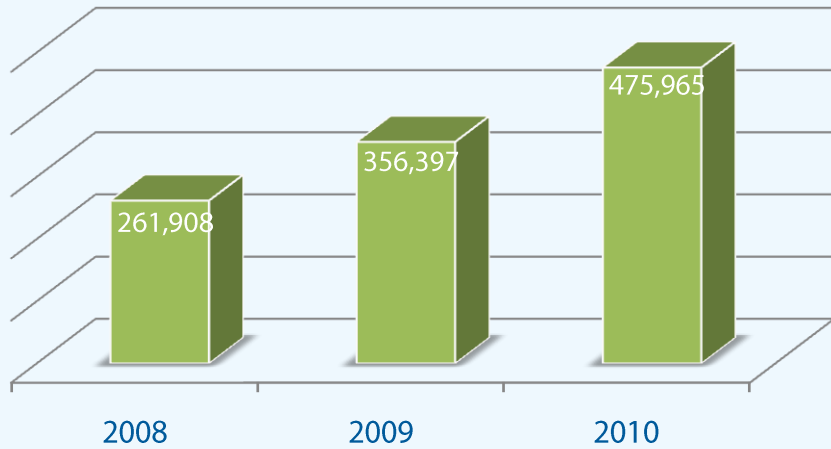
Trước thực tiễn đó, nhờ đội ngũ Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể các cán bộ công nhân viên năng động, sáng tạo, Hội đồng Quản trị Công ty đã xác định:

- Duy trì và phát triển các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là những sản phẩm mang lại doanh thu và lợi nhuận cao như vỏ xe, Gphone, ống nhựa.
- Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ sản xuất cáp mạng LAN trên dây chuyển sản xuất cáp đồng viễn thông, tìm kiếm thị trường xuất khẩu...
- Chủ động tìm kiếm các nguồn vốn có chi phí thấp, tranh thủ nguồn vay hỗ trợ lãi suất của Chính phủ để giảm chi phí lãi vay..

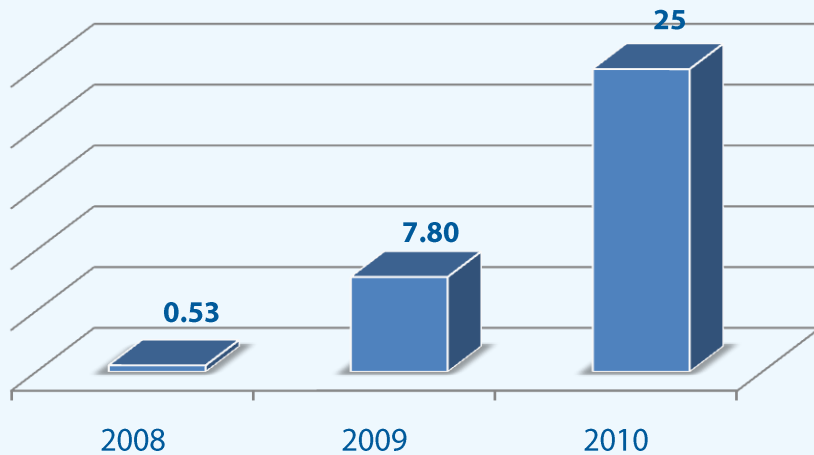
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Với mục tiêu chiến lược và kế hoạch được xác định, Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc và gần 300 cán bộ công nhân viên Công ty đã cố gắng tận dụng những thuận lợi, nỗ lực vượt lên những thách thức, khó khăn trên để thực hiện công tác quản trị và kinh doanh một cách tốt nhất cho Công ty trong năm 2010 kết quả đạt được như sau:

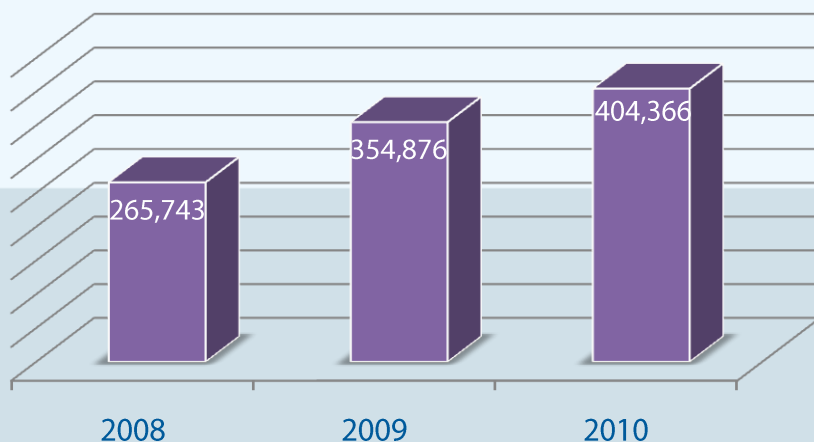
Doanh thu thuần (tỷ đồng)



Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)



Tổng tài sản (tỷ đồng)



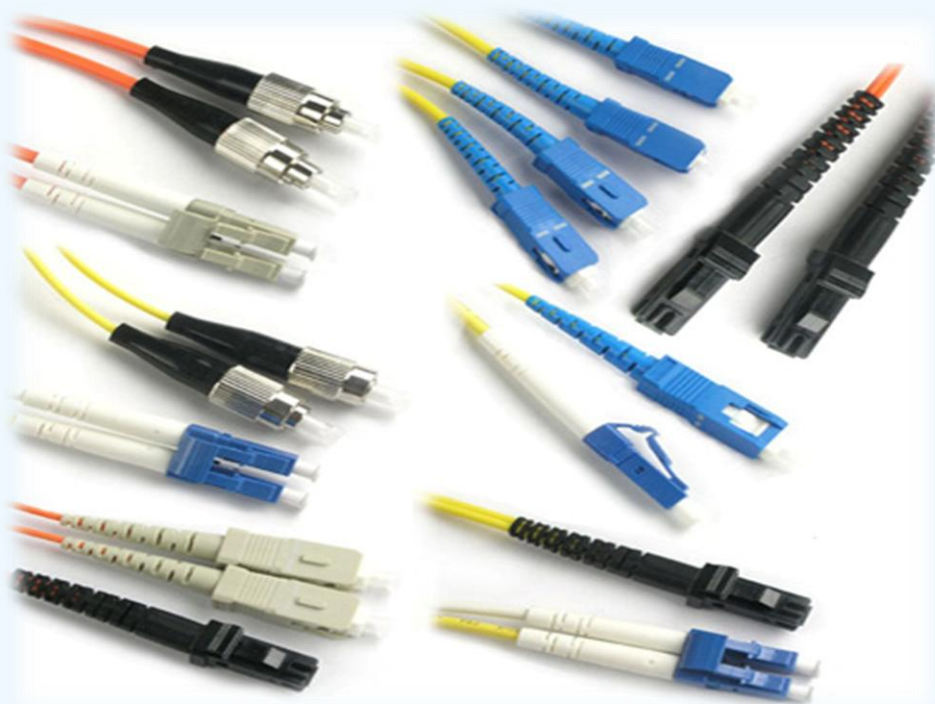


Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1.21	1.20
- Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	0.74	0.80
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
- Tổng nợ/Tổng tài sản	0.58	0.58
- Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.41	1.40
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho Bình Quân)	3.45	4.39
Vòng quan tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	1.00	1.18
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1.89%	3.90%
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	5.11%	11.77%
- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	2.17%	4.89%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2.00%	5.00%

Các chỉ tiêu tài chính

Mở rộng thị trường xuất khẩu sang Phillipine:

Ngày 15/01/2011 Vĩnh Khánh xuất lô hàng đầu tiên sang thị trường Phillipine, sản phẩm xuất sang thị trường này gồm dây thuê bao đồng và các sản phẩm cáp viễn thông để sử dụng trong các công trình tại các thành phố lớn như Manila, Baguio, Laoag,... Theo hợp đồng và đơn đặt hàng cáp viễn thông của đối tác nước ngoài, Vĩnh Khánh sẽ chuyển khoản 1.200Km dây/tháng, tương đương 1.440.000 km trong năm 2011. Giá trị ước tính ban đầu khoảng 1.3 tr USD. Ngoài ra, phía đối tác Phillipine cũng đã có chuyến thăm Vĩnh Khánh vào ngày 21/01/2010 để đề xuất hợp tác trên các dòng sản phẩm dây thuê bao quang, dây nhảy quang, thiết bị đầu cuối cũng như các phụ kiện viễn thông tại các thị trường tiềm năng như Malaysia, Indonesia, Phillipin. Hai bên sẽ triển khai các sản phẩm mới này vào giữa tháng 02 năm 2011.

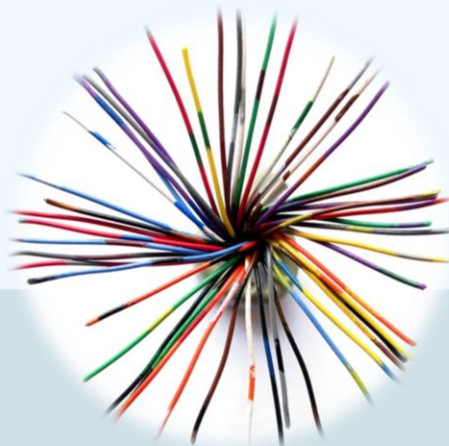


Những tiến bộ của công ty

Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp Becamex IDC đồng ý trên Hợp đồng nguyên tắc ký kết hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh (VKC). Theo đó, hai bên sẽ hợp tác để phát triển các công trình lớn trong địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh lân cận nhằm phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Vĩnh Khánh sẽ là đơn vị chủ lực cung cấp sản phẩm ống nhựa nhờ lợi thế đa dạng về chủng loại cũng như mẫu mã. Sản lượng ước tính theo hợp đồng khoảng trên 650 tấn nhựa, trị giá hợp đồng ước tính 20 tỷ trong năm 2011.



Vĩnh Khánh xuất lô hàng đầu tiên trong năm mới (ngày 18 tháng 01/2011) sản phẩm cáp viễn thông tiếp tục phân phối cho thị trường Campuchia. Sản phẩm của Vĩnh Khánh đã có mặt tại thị trường Campuchia kể từ lô hàng đầu tiên năm 2005. Theo hợp đồng, trong tháng 1 Vĩnh Khánh sẽ chuyển 1.000 km sang đối tác nước ngoài. Dự kiến VKC sẽ xuất 12.000 km cho đối tác Campuchia và sẽ mở rộng hơn nữa các đối tác tại thị trường này. Giá trị ước tính khoảng 1.5 tr USD.



VKC nhận được Giấy chứng nhận Hợp chuẩn dây thuê bao quang FTTH (Fiber To The Home) vào ngày 05/01/2011. FTTH là công nghệ băng thông rộng bằng cáp quang cung cấp các dịch vụ tốc độ cao đang được triển khai khá mạnh mẽ trên thế giới. Với công nghệ FTTH, nhà cung cấp dịch vụ có thể cung cấp tốc độ download lên đến 10 Gigabit/giây, nhanh gấp 200 lần so với ADSL 2+. FTTH đặc biệt hiệu quả với các dịch vụ: Hosting Server riêng, VPN (mạng riêng ảo), Truyền dữ liệu, Game online, IPTV (truyền hình tương tác), VoD (xem phim theo yêu cầu), Video Conference (hội nghị truyền hình), IP Camera... với ưu thế băng thông truyền tải dữ liệu cao, có thể nâng cấp lên băng thông lên tới 1Gbps, an toàn dữ liệu, độ ổn định cao, không bị ảnh hưởng bởi nhiễu điện, từ trường...

Để cung cấp các thiết bị này, các nhà sản xuất cần phải đạt được hợp chuẩn theo Quyết định số 285/2000/QĐ-TCBĐ ngày 29/3/2000 của Tổng cục Bưu điện nay là Bộ Bưu chính, Viễn thông. Với tiêu chuẩn này, sản phẩm của VKC nổi bật đáp ứng những ứng dụng cao như đường truyền có tốc độ ổn định; tốc độ truy cập Internet cao, hông bị suy hao tín hiệu bởi nhiễu điện từ, thời tiết hay chiều dài cáp, an toàn cho thiết bị, không sợ sét đánh lan truyền trên đường dây, nâng cấp băng thông dễ dàng mà không cần kéo cáp mới,... Vĩnh Khánh dự kiến sẽ ký kết những hợp đồng giá trị lớn với các công ty viễn thông trong và ngoài nước....



Vĩnh Khánh vừa triển khai thành công công nghệ tạo hạt nhựa, góp phần tạo tính đa dạng trong hoạt động kinh doanh ngành nhựa nhờ tính ứng dụng cao của hạt phục vụ cho các sản phẩm trong ngành viễn thông và cáp điện. Sản lượng ban đầu khoảng 150 tấn/ tháng và sẽ tăng lên trong các tháng tiếp theo. Với việc đưa vào triển khai hệ thống tạo hạt nhựa, theo tính toán của VKC công nghệ mới có thể làm giảm khoảng 40% giá thành sản phẩm nhựa so với phương pháp nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào như thông thường. ước tính trong năm 2011 VKC sẽ tiết kiệm được hơn 4 tỷ chi phí trong một năm.



Những năm tiếp theo 2011 – 2013, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc xác định đây là giai đoạn nền kinh tế thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng sẽ trong giai đoạn hồi phục. Tuy nhiên, tình hình kinh tế vẫn sẽ tiếp tục khó khăn với lãi suất và lạm phát tiếp tục ở mức cao.

Tiếp tục thực hiện phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng bền vững, cơ cấu sản phẩm theo hướng hiệu quả, phát triển thị trường theo hướng đa dạng, đổi mới quản trị và hiệu quả quản lý để đạt được mục tiêu sản xuất kinh doanh; Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm sắp tới như sau:

STT	CHỈ TIÊU (triệu đồng)	2011	2012	2013
1	Doanh thu thuần	522,217	619,100	681,010
2	Giá vốn hàng bán	448,526	535,582	586,829
3	Lợi nhuận gộp	73,691	83,518	94,182
4	Doanh thu hoạt động tài chính	300	325	345
5	Chi phí tài chính	18,659	20,524	22,372
6	Chi phí bán hàng	15,901	17,491	19,065
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,119	14,431	15,874
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26,313	31,397	37,216
9	Thu nhập khác	2,619	2,619	2,744
10	Chi phí khác	1,870	1,870	1,959
11	Lợi nhuận khác	750	750	785
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27,062	32,147	38,001
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	6,155	7,651	9,500
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
15	Lợi nhuận sau thuế	20,907	24,495	28,501
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1,608	1,884	2,192

Kế hoạch phát triển trong tương lai

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



Tổ chức & Nhân sự



Lê Phẩm Vinh

Thành viên

Phạm Linh

Thành viên

Lâm Quy Chương

Chủ tịch

Hoàng Văn Quyền

Thành viên

Nguyễn Thoại Hồng

Thành viên

Hội đồng quản trị



Võ Thiên Chương

Thành viên

Lê Minh Chi

Trưởng ban

Hà Anh Tuấn

Thành viên

Ban kiểm soát

Chức vụ:	Chủ tịch HĐQT - kiêm Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Trước 1993	Sống và làm việc ở Đài Loan
1993 – nay	Chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khnh
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc



Lâm Quy Chương

Chức vụ:	Thành viên HĐQT
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ kinh tế
Quá trình công tác:	
03/1996-06/2003	Trưởng bộ phận quản lý tín dụng - Ngân hàng United Overseas Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
06/2003-07/2007	Giám đốc kinh doanh - Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, Chi nhánh Hồ Chí Minh
08/2007-12/2008	Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc chi nhánh - Chi nhánh Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
30/12/2008-nay	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam



Phạm Linh

Chức vụ:	Thành viên HĐQT
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế Bưu điện
Quá trình công tác:	
05/1962 - 1975	Tham gia hoạt động cách mạng
1975 – 1993	Bưu điện thành phố
1993 – 2005	Phó giám đốc Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh
2005 – nay:	Nghỉ hưu theo chế độ



Hoàng Văn Quyền

Chức vụ:	Thành viên HĐQT - kiêm Phó Tổng Giám đốc
Trình độ chuyên môn:	Tiến Sĩ Kinh Tế
Quá trình công tác:	
1997-1998:	Công ty cổ phần Kigimex
1998-2005:	Công ty cổ phần Kigimex và Công ty cổ phần Tín Nghĩa
2005-2006	Công ty cổ phần Tín Nghĩa
2008-nay:	Công ty cổ phần Cấp nhựa Vĩnh Khánh



Nguyễn Thoại Hồng

Chức vụ:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Quá trình công tác:	
+ 1997-2007 :	Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh
+ Từ 2008 đến nay :	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh



Lê Phẩm Vinh

Trong năm 2010, các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 cùng nhiều phiên họp HĐQT trực tiếp để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, Nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc Công ty hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT.

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ngày 02/04/2010, căn cứ vào đơn xin từ nhiệm ngày 20/01/2010 của 2 thành viên Hội đồng quản trị là:

1. Ông Phạm Hoàng Sinh – Thành viên HĐQT
2. Ông Quách Văn Hên – Thành viên HĐQT

HĐQT đã họp và thống nhất thông qua việc từ nhiệm của ông Phạm Hoàng Sinh và ông Quách Văn Hên. Như vậy, hiện tại HĐQT nhiệm kỳ 2008 – 2013 bao gồm 5 thành viên:

- | | |
|--------------------------|-----------------|
| 1. Ông Lâm Quy Chương | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Hoàng Văn Quyền | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Phạm Linh | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Nguyễn Thoại Hồng | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Lê Phẩm Vinh | Thành viên HĐQT |

Ngày 01/02/2010, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT kiêm TGD, ông Lâm Quy Chương đã bổ nhiệm ông Trần Mạnh làm Giám đốc tài chính. Vì lý do cá nhân nên ông Trần Mạnh đã thôi giữ chức vụ Giám đốc tài chính của công ty từ tháng 01 năm 2011.

Hoạt động của HĐQT

Chức vụ:	Trưởng Ban kiểm soát
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
1997-1998:	Kế toán trưởng Công ty TNHH T&H và New North South
1998-2005:	Giám đốc điều hành Công ty TNHH
2005-2006:	Chủ tịch Giám đốc điều hành Công ty TNHH
2006-2008:	Chủ tịch, Giám đốc tài chính Công ty TNHH Thịnh Phát
2008-nay:	Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh cho đến nay



Lê Minh Chi

Chức vụ:	Thành viên Ban kiểm soát
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Ngân hàng
Quá trình công tác:	
1975 - 1987 :	Trưởng phó phòng chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh An Giang
1987 – 1989:	Phó giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý tỉnh An Giang
1989 – 1990:	Giám đốc Công ty Dịch vụ du lịch thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang
1990 – 1991:	Phó ban Quản lý dự án nhà đất tỉnh An Giang
1991 – 2000:	Phó ban Quản lý dự án nhà đất tỉnh An Giang kiêm Trưởng ban trụ bị Ngân hàng Đồng bằng sông Cửu Long
2000 – 2001:	Giám đốc phát triển thị trường Công ty CP An Phú
2001 – 2003:	Phó giám đốc Công ty CP Hiệp Tân
2006 – nay:	Ban kiểm soát Công ty CP Cấp Nhựa Vĩnh Khánh



Hà Anh Tuấn

Chức vụ:	Thành viên Ban kiểm soát
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác:	
2003-2007:	Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A, kế toán trưởng + Trợ lý kiểm toán
2007-Nay:	Giám đốc chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh



Võ Thiên Chương

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm Soát đã thực hiện kiểm soát theo đúng Điều lệ Công ty và đã có thông báo kết quả kiểm tra kiểm soát cùng các đề xuất kiến nghị với Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám Đốc (TGD) để có biện pháp khắc phục trong hoạt động quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm Soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, của Ban TGD để tham gia góp ý hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, các nghị quyết của HĐQT và việc thực hiện nghị quyết của Đại Hội cổ đông (ĐHCĐ) thường niên năm 2010 cũng như các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành trong Công Ty.

Kiểm tra, đánh giá việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính kế toán, quản lý công nợ, quản lý chi phí thông qua việc kiểm tra báo cáo hàng tháng, hàng quý của Công ty.

Ban Kiểm Soát đảm bảo đã làm việc theo đúng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty Cổ Phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh.

Tình hình tuân thủ và kiểm soát nội bộ

Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều nằm trong phạm vi được cho phép theo giấy Đăng ký kinh doanh, cũng như theo các quy định và luật pháp hiện hành tại Việt Nam .

Cùng với các nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám Đốc cũng đã tập trung vào việc củng cố quản trị doanh nghiệp, rà soát lại các quy trình, quy định cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

Công ty luôn củng cố, sắp xếp lại bộ máy tổ chức nhân sự nhằm hoàn thiện hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những kiến nghị và đề xuất của kiểm toán viên và của Ban Kiểm Soát đã được Ban Quản Trị Công ty xem xét thích đáng và triển khai thực hiện

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2010

Năm 2010, số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là 530.000.000 đồng bằng 100% tổng thù lao của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không kiêm nhiệm quản lý đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2010, cụ thể:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (tr đồng)	Lợi ích khác (tr đồng)
1	Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD		312
2	Phạm Linh	Thành viên HĐQT	100	
3	Hoàng Văn Quyền	Thành viên HĐQT	100	
4	Lê Phẩm Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD		243
5	Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD		360
6	Lê Minh Chi	Thành viên BKS		180
7	Hà Anh Tuấn	Thành viên BKS		96
8	Võ Thiên Chương	Thành viên BKS	60	

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên chủ chốt

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần do cá nhân nắm giữ
1	Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	3.035.602
2	Phạm Linh	Thành viên HĐQT	-
3	Hoàng Văn Quyền	Thành viên HĐQT	-
4	Lê Phẩm Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	12.510
5	Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	107.580
6	Lê Minh Chi	Thành viên BKS	1.000
7	Hà Anh Tuấn	Thành viên BKS	500
8	Võ Thiên Chương	Thành viên BKS	-
9	Dương Minh Hòa	Kế toán trưởng	10.000

Phân theo trình độ	31/12/2009	31/12/2010
Thạc sĩ, tiến sĩ	2 người	3 người
Đại học	28 người	35 người
Cao đẳng	5 người	14 người
Trung cấp, bậc nghề	22 người	18 người
Lao động phổ thông	103 người	127 người

Phân theo chức năng

Lao động trực tiếp	81 người	97 người
Lao động gián tiếp	79 người	99 người

Chính sách thu hút nhân tài

Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng và công bằng với cống hiến chất xám, ngoài các chế độ thưởng cuối năm, Công ty còn áp dụng các chính sách thưởng sáng kiến, thưởng kinh doanh hàng tháng, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty. Đặc biệt, Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng Chính sách thu hút và giữ chân nhân tài lâu dài và có hiệu quả nhất là tạo môi trường làm việc tốt, thoải mái, ổn định và tin cậy. Thực tế qua cuộc khảo sát quan điểm của Cán bộ công nhân viên Vĩnh Khánh năm 2010 cho thấy 77% người lao động trong Công ty hài lòng với môi trường làm việc của Vĩnh Khánh, cho rằng đó là một môi trường làm việc hợp tác, thân thiết, thoải mái, có tinh thần trách nhiệm, công nhân viên được đối xử công bằng, tin cậy và có được sự linh hoạt để sáng tạo trong công việc. Yếu tố môi trường làm việc tác động gần 40% đến mức độ hài lòng của người lao động khi làm việc tại Vĩnh Khánh.

Ngoài ra, để thu hút nhân tài gắn bó, Công ty còn áp dụng chính sách thăng tiến linh hoạt. Việc áp dụng chế độ tuyển dụng nội bộ và đào tạo bổ sung để tạo điều kiện cho người lao động trong Công ty có được một "Career Building", một môi trường làm việc rộng mở để người lao động thể hiện và chứng minh năng lực của mình thực sự đã góp phần thu hút và giữ chân người lao động.

Tình hình lao động hiện nay

**Công đồng Nhà nước: Không có
Cổ đông sáng lập**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/06/2003; Đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 20/01/2011, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

ST T	Tên Cổ đông	CMND	Địa chỉ	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ góp vốn
1	Lâm Quy Chương	BA668433	48/3C Hồ Biểu Chánh, quận Phú Nhuận, TPHCM	3.035.602	23,35%
2	Quách Văn Hên	020452666	28/54 Mai Xuân Thưởng, Phường 1, Quận 6, Tp.HCM	1.313.888	10,11%
Tổng				4.349.490	33.46%

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, từ ngày 02/06/2006 các cổ đông sáng lập của Công ty đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phần 4.349.490 cổ phần phổ thông do mình sở hữu.

Cổ đông nước ngoài

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ	Quốc tịch	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Lin Mei Kuang	VSDVKC1 32562201	22/10/2001	12 Lanc 41 Kukon Road, Taipei, Taiwan	Taiwan	2,576,000	19.82%
2	Lâm Quy Chương	VSDVKCB A668433	28/06/2010	48/3C Hồ Biểu Chánh Q. Phú Nhuận TP.HCM	Canada	3,035,602	23.35%
3	Pan Yung Chang	IA5128	17/03/2011	414 Lô E chung cư Hùng Vương, P.11, Q.5, HCM	Taiwan	20,000	0.15%
4	Raphael Wilhelm	IA4907	27/01/2011	Albisstrasse 80 8c38 Zurich Switzerland	Switzerl and	900	0.01%
5	Yuan Yuan	VSDVKCM 5056701	21/04/2006	Unit 16, 2a Rosa Street, Oatley, MSN	Australia	160,000	1.23%
Tổng						5,792,502	44.56%

Các dữ liệu thống kê về cổ đông



VINH KHANH

TRUYỀN TẢI NIỀM TIN - CAM KẾT CHẤT LƯỢNG



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
2010**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán	06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010	11 - 34

Báo cáo tài chính kiểm toán 2010

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (tên giao dịch là: VINH KHANH CABLE - PLASTIC CORPORATION; tên viết tắt là: VCOM) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02 tháng 06 năm 2003 và đã đăng ký thay đổi lần 07 ngày 19 tháng 03 năm 2009.

Hiện công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VCK

Vốn điều lệ : 130.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

Địa chỉ : Ấp Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : +84 (650) 3751 501 Fax: +84 (650) 3751 699

Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện Địa chỉ

Chi nhánh Hồ Chí Minh A13, đường Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Cần Thơ 84, đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Chi nhánh Bình Định Lô số 15, cụm CN Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Văn phòng đại diện Số 111D, đường Lý Chính Thắng, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng đại diện A13, đường Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo của HĐQT

3. Ngành nghề hoạt động

Dịch vụ cung cấp thức ăn thủy hải sản;

Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;

Sản xuất giấy dùng trong tôn giáo;

Sản xuất săm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;

Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;

Sản xuất, lắp ráp các loại máy công cụ;

Sản lắp mặt bằng;

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;

Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;

Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

4. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

	Họ tên	Chức vụ
Ông	Lâm Quy Chương	Chủ tịch
Ông	Hoàng Văn Quyền	Thành viên
Ông	Phạm Linh	Thành viên
Ông	Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên
Ông	Lê Phẩm Vinh	Thành viên

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

	Họ tên	Chức vụ
Ông	Lê Minh Chi	Trưởng ban
Ông	Hà Anh Tuấn	Thành viên
Ông	Võ Thiên Chương	Thành viên

Báo cáo của HĐQT

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

	Họ tên	Chức vụ
Ông	Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Phẩm Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Dương Minh Hòa	Kế toán trưởng

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 34.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 11 tháng 02 năm 2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ, áp dụng cho ngày 11 tháng 02 năm 2011 từ 18.932,00 VND/USD thành 20.693,00 VND/USD, tăng 9,3% so với trước đó, điều này có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính tiếp theo đối với các hoạt động giao dịch có liên quan đến gốc ngoại tệ.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

8. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính, các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Bình Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2011

TM. Hội đồng Quản trị

Báo cáo của HĐQT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 23 tháng 03 năm 2011 (từ trang 07 đến trang 34) của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính thuộc về Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính dựa trên công việc kiểm toán.

Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực kiểm toán yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh, được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Nơi nhận:

Như trên. **Ths. Nguyễn Thanh Sang - Tổng Giám đốc**
Lưu . **Chứng chỉ KTV số:0851/KTV**

Vũ Thị Kim Anh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số:0565/KTV

Báo cáo kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		281,479,278,232	240,006,394,975
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	37,222,894,800	17,812,484,706
111	1. Tiền		10,322,894,800	11,612,484,706
112	2. Các khoản tương đương tiền		26,900,000,000	6,200,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		143,282,490,858	126,314,775,904
131	1. Phải thu của khách hàng	5.2	116,160,602,822	102,832,950,000
132	2. Trả trước cho người bán	5.3	26,250,592,924	22,239,233,504
138	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.4	1,922,926,729	1,583,765,020
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		1,051,631,617)	341,172,620)
140	IV. Hàng tồn kho	5.5	94,775,564,513	92,971,007,518
141	1. Hàng tồn kho		97,218,708,833	96,913,644,019
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		2,443,144,320)	3,942,636,501)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6,198,328,061	2,908,126,847
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.6	1,140,945,282	1,571,650,798
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5.7	5,057,382,779	1,336,476,049
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		122,887,114,063	114,869,415,526
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		105,577,850	105,577,850
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
218	2. Phải thu dài hạn khác		105,577,850	105,577,850
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		96,725,849,904	90,054,050,307
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.8	74,227,405,280	50,590,432,578
222	- Nguyên giá		157,958,244,749	121,168,609,894
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(83,730,839,469)	(70,578,177,316)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	5.9	15,741,108,289	23,102,622,876
225	- Nguyên giá		25,337,058,426	33,654,136,361
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9,595,950,137)	(10,551,513,485)
227	3. Tài sản cố định vô hình	5.10	6,204,271,140	5,109,358,288
228	- Nguyên giá		8,794,987,111	7,280,835,906
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,590,715,971)	(2,171,477,618)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.11	553,065,195	11,251,636,565
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		19,820,392,000	19,820,392,000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5.12	19,820,392,000	19,820,392,000
259	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		6,235,294,309	4,889,395,369
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.13	1,937,460,645	720,954,672
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.14	1,532,418,774	1,532,418,774
268	3. Tài sản dài hạn khác	5.15	2,765,414,890	2,636,021,923
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		404,366,392,295	354,875,810,501

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1		2	3	4	5
300	A-	NỢ PHẢI TRẢ		236,010,122,559	207,497,610,423
310	I.	Nợ ngắn hạn		234,547,200,893	198,049,214,128
311	1	Vay và nợ ngắn hạn	5.16	130,201,471,798	97,419,371,214
312	2	Phải trả người bán	5.17	94,538,058,489	82,788,086,109
313	3	Người mua trả tiền trước		736,844,935	862,767,507
314	4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.18	3,400,176,075	5,599,690,028
315	5	Phải trả người lao động		1,970,611,409	1,260,579,491
316	6	Chi phí phải trả		-	-
319	7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		19,036,900	4,505,418,696
320	8	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3,681,001,287	5,613,301,083
330	II.	Nợ dài hạn		1,462,921,666	9,448,396,295
331	1	Phải trả dài hạn người bán		-	-
334	2	Vay và nợ dài hạn	5.19	1,108,978,823	9,444,826,295
336	3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	3,570,000
337	4	Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	5	Doanh thu chưa thực hiện		353,942,843	-
400	B-	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		168,356,269,737	147,378,200,078
410	I.	Vốn chủ sở hữu	5.2	168,356,269,737	147,378,200,078
411	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		130,000,000,000	130,000,000,000
412	2	Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3	Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1,991,216,558	-579,386,896
417	5	Quỹ đầu tư phát triển		6,549,989,471	5,875,357,026
418	6	Quỹ dự phòng tài chính		2,060,501,955	1,897,854,977
420	7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27,754,561,753	10,184,374,971
430	II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		404,366,392,295	354,875,810,501

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	Tài sản thuê ngoài		-	-
2	Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3	Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
4	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5	Ngoại tệ các loại (USD)	5.1.2	19,783.38	15,232.03
6	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thụy Mỹ Hạnh

Dương Minh Hòa

Nguyễn Thoại Hồng
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

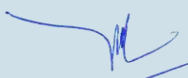
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	481,253,586,699	358,150,431,877
03	2 Các khoản giảm trừ	6.2	5,288,355,786	1,753,421,262
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.3	475,965,230,913	356,397,010,615
11	4 Giá vốn hàng bán	6.4	412,057,251,169	318,222,424,885
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63,907,979,745	38,174,585,730
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	6.5	498,299,696	170,201,147
22	7 Chi phí tài chính	6.6	16,762,466,734	12,912,684,474
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		13,596,847,514	7,106,187,853
24	8 Chi phí bán hàng	6.7	12,673,203,895	9,036,651,063
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.8	11,155,366,494	9,255,451,233
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23,815,242,318	7,140,000,107
31	11 Thu nhập khác	6.9	4,714,370,749	3,946,266,436
32	12 Chi phí khác	6.10	3,608,429,067	3,244,780,728
40	13 Lợi nhuận khác		1,105,941,682	701,485,708
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24,921,184,000	7,841,485,815
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.11	6,339,048,550	2,235,580,133
52	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(1,140,418,774)
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18,582,135,450	6,746,324,456
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.12	1,429.40	636.72


Bình Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Thụy Mỹ Anh


Đương Minh Hòa




Nguyễn Chai Hồng
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. Lợi nhuận trước thuế		24,921,184,000	7,841,485,815
	2. Điều chỉnh các khoản		25,586,130,563	23,084,022,680
2	- Khấu hao tài sản cố định		13,072,345,156	14,893,665,278
3	- Các khoản dự phòng		(789,033,184)	843,507,079
4	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(129,392,967)	240,662,470
5	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(164,635,956)	-
6	- Chi phí lãi vay		13,596,847,514	7,106,187,853
8	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		50,507,314,563	30,925,508,495
9	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(21,528,473,648)	(64,133,379,428)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(305,064,814)	(2,448,570,858)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		2,166,688,873	44,726,889,978
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(785,800,457)	(66,343,902)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(13,528,604,287)	(8,070,615,460)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5,722,626,962)	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		641,980,272	86,438,571,724
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(6,203,391,053)	(35,147,380,737)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5,242,022,487	52,224,679,812
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17,347,440,514)	(33,567,687)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		54,545,455	1,726,592,952
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(32,500,000,000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		38,700,000,000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5,355,821,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		164,635,956	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10,928,259,103)	(3,662,795,735)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	24,500,000,000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		313,432,937,150	174,440,193,633
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(282,465,891,759)	(229,596,338,803)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		(5,859,160,287)	(6,618,956,328)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư tài chính		25,107,885,104	(37,275,101,498)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		19,421,648,488	11,286,782,579
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		17,812,484,706	7,105,089,023
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(11,238,394)	(579,386,896)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	37,222,894,800	17,812,484,706

Bình Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Chữ ký)
Trần Thủy Mỹ Anh

(Chữ ký)
Đương Minh Hòa



10
PHỤ TÙNG GIÁM ĐỐC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ cung cấp thức ăn thủy hải sản;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Sản xuất giấy dùng trong tôn giáo;
- Sản xuất sảm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Sản xuất, lắp ráp các loại máy công cụ;
- Sản lắp mặt bằng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính - Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.
- Tỷ giá hạch toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 18.932 VND/USD

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ Nguyên tắc đánh giá:

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ Phương pháp khấu hao áp dụng:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ/BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
Phương tiện vận tải	04 – 12 năm
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
Phần mềm	03 – 08 năm
Quyền sử dụng đất	20 – 43 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản cố định được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

Doanh thu và chi phí

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ.

Nghĩa vụ tài chính

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% thu nhập chịu thuế.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Số liệu so sánh

Căn cứ vào Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, Công ty đã tiến hành phân loại lại số dư đầu kỳ của một số khoản mục. Do đó, số dư tại ngày 31/12/2009 và số dư tại ngày 01/01/2010 của một số khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán có sự thay đổi bởi nguyên nhân sau:

Phân loại lại khoản mục “Nguồn kinh phí và quỹ khác” – Mã số 430 thành “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” mã số 323 với số tiền 5.613.301.083 đồng.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

Tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	141.064.601	95.186.245
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	10.181.830.199	11.517.298.461
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	26.900.000.000	6.200.000.000
Tổng cộng		37.222.894.800	17.812.484.706

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng gồm:

STT	Ngân hàng	Cuối năm	Đầu năm
1	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	316.151.169 266.109.517 (#USD 14,056.67)	4.583.641.052 5.773.773 (#USD 321.82)
2	Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình	4.230.989.476 172.281 (#USD 9.01)	876.966.946 131.866 (#USD 7.35)
3	Ngân hàng Far East National - Chi nhánh Hồ Chí Minh	505.770.290 19.409.276 (#USD 1,025.21)	156.280.715 18.383.963 (#USD 1,024.69)
4	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.530.748.254	2.846.833.736

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Ấp Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



5	Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	499.697.312 37.361.166 (#USD 1,973.44)	641.176.382 - -
6	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	304.561.450 1.893.389 (#USD 100.01)	454.413.925 1.796.253 (#USD 100.12)
7	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	395.267.330 6.384.628 (#USD 337.24)	447.977.838 20.005.291 (# USD 1,115.06)
8	Ngân hàng TNHH United Overseas - Chi nhánh Hồ Chí Minh	202.427.813 22.409.998 (#USD 1,183.71)	832.074.958 207.264.658 (#USD 11,553.00)
9	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương	1.195.559.968	-
10	Ngân hàng Xăng Dầu Petrolimex – Chi nhánh Đồng Nai	57.178.320 24.612 (#USD 1.30)	- - -
11	Ngân hàng TMCP Phương Tây	549.585.867	-
12	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.857.584 9.479.631 (#USD 500.72)	3.360.950 8.983.418 (#USD 500.72)
13	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	2.149.999 9.239.952 (#USD 488.06)	2.228.693 8.993.106 (#USD 501.26)
14	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Sở Giao dịch thành phố Hồ Chí Minh	3.610.425 2.044.845 (#USD 108.01)	7.857.584 1.937.807 (#USD 108.01)
15	Ngân Hàng OCB - Chi nhánh Bến Thành	3.360.950	3.610.425
16	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quy Nhơn	1.558.148	-
17	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	813.472	387.592.045
18	Ngân hàng TMCP Á Châu	13.077	13.077
Cộng		10.181.830.199	11.517.298.461

5.1.3 Các khoản tương đương tiền

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn	12.900.000.000	6.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	7.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tp. HCM	7.000.000.000	-
Cộng	26.900.000.000	6.200.000.000

Phải thu khách hàng

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Các khách hàng Chi nhánh Cần Thơ	10.607.147.196	22.209.972.354
- Công ty TNHH Vĩnh Khanh	10.379.794.058	9.117.411.347
- Công ty Cổ phần Vĩnh Đại	10.621.121.019	-
- Các khách hàng Chi nhánh Bình Định	8.405.133.147	
- Các khách hàng Chi nhánh Thủ Đức	6.559.333.886	24.833.178.536
- Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Nam	6.653.903.333	
- Khác	62.934.170.183	46.672.387.763
Cộng	116.160.602.822	102.832.950.000

Trả trước cho người bán

Là khoản trả trước tiền mua vỏ xe và vật tư phục vụ sản xuất.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Decent International	8.033.416.885 (#USD 424,330.07)	6.520.876.945 (#USD 363,462.29)
- Công ty TNHH Wenwu Enterprise	15.262.652.580 (#USD 806,182.79)	14.140.600.131 (#USD 788,172.35)
- Khác	2.954.523.459	1.577.756.428
Cộng	26.250.592.924	22.239.233.504

Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chủ yếu là phải thu lại tiền thuê đất nộp hộ Công ty TNHH Châu Thới.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Châu Thới	1.353.062.169	1.353.062.169
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	50.384.104	93.621.904
- Khác	519.480.456	137.080.947
Cộng	1.922.926.729	1.583.765.020

Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.5.1	Nguyên liệu, vật liệu	23.142.476.092	22.561.730.125
5.5.2	Công cụ, dụng cụ	-	-
5.5.3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.058.749.142	16.454.782.064
5.5.4	Thành phẩm	39.547.927.536	29.940.240.243
5.5.5	Hàng hóa	23.469.556.063	27.956.891.587
5.5.6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.443.144.320)	(3.942.636.501)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		94.775.564.513	92.971.007.518

Tất cả hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Quân đội.

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí quảng cáo và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

Tài sản ngắn hạn khác

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.7.1	Tạm ứng	818.333.353	429.086.598
5.7.2	Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.239.049.426	907.389.451
Cộng		5.057.382.779	1.336.476.049

5.7.1 Tạm ứng

Chi tiết gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyễn Như Hải Yến	117.431.580	65.839.260
- Lã Thái Bình	155.196.473	29.180.500
- Tạ Thanh Phần	130.319.100	18.000.000
- Trương Triệu Huy	94.597.716	52.198.361
- Phạm Ngọc Phước Đức	85.110.200	27.008.000
- Tạm ứng khác	235.678.284	236.860.477
Cộng	818.333.353	429.086.598

5.7.2 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	3.577.711.776	-
- Công ty Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	657.537.650	854.702.064
- Các khoản ký quỹ khác	3.800.000	52.687.387
Cộng	4.239.049.426	907.389.451

Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	15.297.418.519	95.068.648.191	8.983.837.699	1.818.705.485	121.168.609.894
2. Tăng trong năm	212.451.500	35.622.832.012	1.489.181.141	21.791.800	37.346.256.453
- Tăng do mua sắm	212.451.500	14.109.864.868	1.489.181.141	21.791.800	15.833.289.309
- Tăng từ xây dựng cơ bản	-	13.499.193.565	-	-	13.499.193.565
- Tăng khác	-	8.060.410.651	-	-	8.060.410.651
3. Giảm trong năm	-	455.815.073	-	147.443.597	603.258.670
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	147.443.597	147.443.597
- Giảm khác	-	455.815.073	-	-	455.815.073
4. Số dư cuối năm	15.509.870.019	130.034.484.662	10.473.018.840	1.940.871.228	157.958.244.749
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	6.865.710.988	58.627.482.338	3.507.345.329	1.577.638.662	70.578.177.317
2. Tăng trong năm	710.355.212	11.620.381.298	844.148.660	162.234.804	13.337.119.974
- Khấu hao trong năm	710.355.212	8.932.407.531	844.148.660	162.234.804	10.649.146.207
- Khác	-	2.687.973.767	-	-	2.687.973.767
3. Giảm trong năm	-	37.014.225	-	147.443.597	184.457.822
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	147.443.597	147.443.597
- Giảm khác	-	37.014.225	-	-	37.014.225
4. Số dư cuối năm	7.576.066.200	70.210.849.411	4.351.493.989	1.592.429.869	83.730.839.469
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	8.431.707.531	36.193.348.313	5.476.492.370	488.884.363	50.590.432.577
2. Tại ngày cuối năm	7.933.803.819	59.823.635.251	6.121.524.851	348.441.359	74.227.405.280

- Trong đó:
 - Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng là 40.773.076.904 đồng.
 - Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp là 6.205.359.229 đồng.

Tài sản cố định thuê tài chính

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	33.344.604.126	309.532.235	33.654.136.361
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	8.007.545.700	309.532.235	8.317.077.935
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	8.007.545.700	-	8.007.545.700
- Thanh lý nhượng bán	-	309.532.235	309.532.235
4. Số dư cuối năm	25.337.058.426	-	25.337.058.426
II. Giá trị hao mòn			
1. Số dư đầu năm	10.259.177.473	292.336.012	10.551.513.485
2. Tăng trong năm	1.986.764.373	17.196.223	2.003.960.596
- Khấu hao trong năm	1.986.764.373	17.196.223	2.003.960.596
3. Giảm trong năm	2.649.991.709	309.532.235	2.959.523.944
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	2.649.991.709	-	2.649.991.709
- Thanh lý nhượng bán	-	309.532.235	309.532.235
4. Số dư cuối năm	9.595.950.137	-	9.595.950.137
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	23.085.426.653	17.196.223	23.102.622.876
2. Tại ngày cuối năm	15.741.108.289	-	15.741.108.289

Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	7.000.000.000	280.835.906	7.280.835.906
2. Tăng trong năm	1.486.074.205	28.077.000	1.514.151.205
- Tăng từ mua mới	1.486.074.205	28.077.000	1.514.151.205
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	8.486.074.205	308.912.906	8.794.987.111
II. Giá trị hao mòn			
1. Số dư đầu năm	2.100.000.004	71.477.614	2.171.477.618
2. Tăng trong năm	378.045.712	41.192.641	419.238.353
- Khấu hao trong năm	378.045.712	41.192.641	419.238.353
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.478.045.716	112.670.255	2.590.715.971
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	4.899.999.996	209.358.292	5.109.358.288
2. Tại ngày cuối năm	6.008.028.489	196.242.651	6.204.271.140

- Trong đó giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp là 6.008.028.489 đồng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng Phòng trưng bày sản phẩm tại Tp. Hồ Chí Minh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Vĩnh Đại với tỷ lệ sở hữu vốn là 33% (số cổ phần sở hữu là 1.982.039 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần).

Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chủ yếu phát sinh từ khoản khấu hao chênh lệch tạm thời của tài sản cố định những năm trước.

Chi tiết gồm:

Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	Số tiền	Thuế suất thuế TNDN	Tài sản thuế TNDN hoãn lại
- Khấu hao QSDĐ từ năm 2004 đến năm 2007	1.400.000.000	28%	392.000.000
- Khấu hao máy móc thiết bị năm 2009	4.561.675.096	25%	1.140.418.774
Cộng	5.961.675.096		1.532.418.774

Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn cho các hợp đồng thuê tài chính

Chi tiết gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease (a)	1.746.477.000 (#USD 92,250.00)	1.655.057.250 (#USD 92,250.00)
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (b)	725.437.890 (#USD 38,318.08)	687.464.673 (#USD 38,318.08)
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (c)	293.500.000	293.500.000
Cộng	2.765.414.890	2.636.021.923

▪ Chi tiết ký quỹ dài hạn

Số hợp đồng	Thời hạn thuê	Ngày giá trị	Ngày đến hạn	Cuối năm
a. Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease				1.746.477.000
C070200301	60 tháng	28/02/2007	28/01/2012	894.537.000 (#USD 47,250.00)
A070300601	60 tháng	22/03/2007	22/02/2012	851.940.000 (#USD 45,000.00)
b. Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam				725.437.890
1806 - 06047	60 tháng	20/04/2006	20/03/2011	725.437.890 (#USD 38,318.08)
c. Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - NH TMCP Sài Gòn Thương Tín				293.500.000
SBL010200909001	36 tháng	05/11/2009	05/11/2012	293.500.000
Cộng				2.765.414.890

Vay và nợ ngắn hạn

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.16.1	Vay ngắn hạn	126.848.609.458	97.419.281.497
5.16.2	Nợ dài hạn đến hạn trả	3.352.862.340	89.717
Cộng		130.201.471.798	97.419.371.214

5.16.1 Vay ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (a)	10.969.451.555 717.674.256 (#USD 37.908,00)	29.420.042.896 -
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình (b)	2.347.206.850 15.936.030.879 (#USD 841,751.05)	13.647.728.390 1.740.679.596 (#USD 97,022.44)
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM (c)	27.835.288.800 12.869.445.965 (#USD 679,772.13)	11.862.737.379 2.945.119.100 (#HKD 1,900,000.00)
		904.742.742 (#USD 50,428.78)
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương (d)	24.835.818.073	12.039.220.322
- Ngân hàng TMCP Phương Tây (e)	19.944.283.480	-
- Ngân hàng TNHH United Overseas - Chi nhánh Tp. HCM	-	4.581.969.572 (#USD 255,391.00)
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tp. HCM (f)	4.956.529.600	2.677.647.500
Vay ngắn hạn khác		
- Lâm Quy Chương (g)	6.436.880.000 (#USD 340,000.00)	12.558.700.000 (#USD 700,000.00)
- Quách Văn Hên	-	5.040.694.000
Cộng	126.848.609.458	97.419.281.497

▪ **Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng**

a. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn

1. Hợp đồng tín dụng số 0313/HĐTD2-VIB625/09 ngày 20/10/2009

- + Hạn mức : 50.000.000.000 VND hoặc USD tương đương;
- + Thời hạn vay : 12 tháng từ ngày 20/10/2009 đến ngày 20/10/2010;
- + Lãi suất : Lãi suất tại thời điểm giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo :
 - Quyền sử dụng đất 4.777 m² tọa lạc tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Ông Hồ Kim Muôn là ;
 - Quyền sử dụng đất 5.206 m² tọa lạc tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Ông Lâm Quốc Kiến;
 - Quyền sử dụng đất 8.681,88 m² tọa lạc tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Châu Thới;
 - Nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất cáp viễn thông và ống nhựa;
 - 7 xe ô tô thuộc sở hữu của bên vay;
 - Hàng tồn kho luân chuyển;
- + Số dư tại ngày 31/12/2010 : 11.687.125.811 VND.

b. Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình

Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số TAB.DN.03270710 ngày 02/08/2010

- + Hạn mức : 21.290.000.000 VND;
- + Thời hạn vay : đến ngày 23/06/2011;
- + Lãi suất : Điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay thực tế;
- + Mục đích vay : Mục đích của từng lần cấp tín dụng do thỏa thuận;
- + Hình thức đảm bảo : Sổ tiết kiệm thuộc quyền sở hữu của Bà Trần Thục Mẫn (Cổ đông của Công ty);
- + Số dư tại ngày 31/12/2010 : 18.283.237.729 VND.

c. Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh

1. Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 080780 ngày 12/09/2008 và Thư gia hạn thời gian hợp đồng số VNM 101460 ngày 21/09/2010.

- + Hạn mức : 600.000 USD hoặc tương đương bằng VND;
- + Thời hạn vay : 3 tháng cho từng lần nhận nợ;
- + Lãi suất : Lãi suất cho vay cơ bản + 2,5%/năm;
- + Mục đích vay : Bổ sung nhu cầu vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : Bảo lãnh cá nhân từ Ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch Hội đồng Quản trị), thế chấp hàng hóa trong kho và các khoản phải thu của công ty;
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2010 : 12.869.445.965 VND (tương đương 679,772.13 USD).

2. Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 091229 ngày 12/08/2009 và Thư gia hạn thời gian hợp đồng số VNM 101460 ngày 21/09/2010.

- + Hạn mức : 1.200.000 USD hoặc tương đương bằng VND;
- + Thời hạn vay : 3 tháng cho từng lần nhận nợ;
- + Lãi suất : Lãi suất cho vay cơ bản + 2,5%/năm;
- + Mục đích vay : Bổ sung nhu cầu vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : Bảo lãnh cá nhân từ Ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch Hội đồng Quản trị), thế chấp hàng hóa trong kho và các khoản phải thu của công ty;
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2010 : 27.835.288.800 VND.

d. Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 066BA09-HTLS ngày 08/10/2009

- + Hạn mức : 25.000.000.000 VND;
- + Thời hạn vay : 8 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng giấy nhận nợ);
- + Lãi suất : Theo thông báo tại thời điểm rút vốn;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : - Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại xã Bình An, Huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh;
- Máy móc thiết bị;
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2010 : 24.835.818.073 VND.

e. Ngân hàng TMCP Phương Tây

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3911/2010/HĐHM-DN.HCM ngày 02/11/2010

+ Hạn mức	:	20.000.000.000 VND;
+ Thời hạn vay	:	4 tháng cho từng khế ước nhận nợ ;
+ Lãi suất	:	Theo thông báo tại thời điểm rút vốn;
+ Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động;
+ Hình thức đảm bảo	:	Theo Hợp đồng thế chấp số 3911/2010/HĐTC-DN.HCM, thế chấp quyền nhận các khoản thanh toán (khoản phải thu) phát sinh từ các hợp đồng mua bán với giá trị tương ứng với hạn mức được cấp.
+ Số dư tại thời điểm 31/12/2010	:	19.944.283.480 VND.

f. Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 488/2009/HĐ-HM/NHQĐ-HCM-KHDN ngày 31/12/2009

+ Hạn mức	:	8.000.000.000 VND;
+ Thời hạn vay	:	12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên);
+ Lãi suất	:	Được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ;
+ Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động;
+ Hình thức đảm bảo	:	Hàng tồn kho luân chuyển (võ ruột xe các loại) bảo quản trong kho đặt tại trụ sở công ty và tại chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh;
+ Số dư tại thời điểm 31/12/2010	:	4.956.529.600 VND.

▪ **Chi tiết vay ngắn hạn khác**

g. Ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch Hội đồng Quản trị)

1. Hợp đồng vay số 01/VK-LWC/10 ngày 22/11/2010

+ Thời hạn vay	:	6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
+ Lãi suất	:	0,00%/năm;
+ Số dư tại thời điểm 31/12/2010	:	2.745.140.000 VND (tương đương 145,000.00 USD).

2. Hợp đồng vay số 02/VK-LWC/10 ngày 23/11/2010

+ Thời hạn vay	:	6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
+ Lãi suất	:	0,00%/năm;
+ Số dư tại thời điểm 31/12/2010	:	3.691.740.000 VND (tương đương 195,000.00 USD).

5.16.2 Nợ dài hạn đến hạn trả

Là khoản nợ thuê tài chính đến hạn trả.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	2.379.127.265	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính – NH Sacombank	635.917.200	89.717
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	337.817.875	-
Cộng	3.352.862.340	89.717

Phải trả người bán

Là khoản phải trả tiền mua vỏ xe và vật tư phục vụ sản xuất.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH CN Cao su Chính Tân Việt Nam	76.884.664.945	67.533.868.073
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất Phú Mỹ	6.862.000.000	4.637.129.712
- Công ty TNHH Wang Tai	4.752.704.804	6.699.739.924
	(#USD 251,040.82)	(#USD 373,431.80)
- Công ty TNHH Nhựa TEP	1.610.158.385	402.670.400
- Khác	4.428.530.355	3.514.678.000
Cộng	94.538.058.489	82.788.086.109

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	492.411.367	2.880.948.715
- Thuế nhập khẩu	61.547.625	548.884.805
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.722.468.993	2.106.047.405
- Thuế khác	123.748.090	63.809.103
Cộng	3.400.176.075	5.599.690.028

Vay và nợ dài hạn

Là nợ gốc thuê tài chính.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Nợ dài hạn		
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease (a)	523.532.844	4.844.464.702
	(#USD 27,653.33)	(#USD 270,022.00)
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (b)	585.445.979	1.766.435.141
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	-	2.833.926.452
		- (#USD 157,963.11)
Cộng	1.108.978.823	9.444.826.295

Chi tiết nợ dài hạn:

Số hợp đồng	Thời hạn thuê	Ngày giá trị	Ngày đến hạn	Cuối năm
a. Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease				523.532.844
C070200301	60 tháng	28/02/2007	28/01/2012	195.601.083 (#USD 10,331.77)
A070300601	60 tháng	22/03/2007	22/02/2012	327.931.761 (#USD 17,321.56)
b. Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - NH TMCP Sài Gòn Thương Tín				585.445.979
SBL010200909001	36 tháng	05/11/2009	05/11/2012	585.445.979
Cộng				1.108.978.823

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Ấp Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu ⁽¹⁾	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối ⁽²⁾	Cộng
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Số dư đầu năm trước	105.500.000.000	-	5.875.357.026	1.897.854.977	3.445.737.436	116.718.949.439
Tăng trong năm trước	24.500.000.000	1.080.503.218	-	-	6.746.324.456	
Giảm trong năm trước	-	1.659.890.114	-	-	7.686.921	1.667.577.035
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	130.000.000.000	(579.386.896)	5.875.357.026	1.897.854.977	10.184.374.971	147.378.200.078
Tăng trong năm nay	-	3.467.343.518	674.632.445	337.316.223	18.582.135.450	23.061.427.636
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-		-	-	18.582.135.450	18.582.135.450
- Tăng từ lợi nhuận năm trước	-		674.632.445	337.316.223	-	1.011.948.668
- Tăng khác		3.467.343.518	-	-	-	3.467.343.518
Giảm trong năm nay	-	896.740.064	-	174.669.245	1.011.948.668	2.083.357.977
Số dư cuối năm nay	130.000.000.000	1.991.216.558	6.549.989.471	2.060.501.955	27.754.561.753	168.356.269.737

⁽¹⁾ **Chi tiết vốn chủ sở hữu gồm:**

Cổ phiếu

Chi tiết:	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

⁽²⁾ **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Số dư đầu năm	10.184.374.971
Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm nay	18.582.135.450
Giảm trong năm nay	1.011.948.668
Chi tiết gồm:	
- <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2009</i>	674.632.445
- <i>Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2009</i>	337.316.223
Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2010	27.754.561.753

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu bán vỏ xe, nhựa, cáp và điện thoại.

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu vỏ xe	336.653.063.279	242.951.810.054
- Doanh thu nhựa	78.722.170.384	71.507.860.073
- Doanh thu cáp	59.353.021.483	22.387.970.683
- Doanh thu điện thoại	6.525.331.553	21.302.791.067
Cộng	481.253.586.699	358.150.431.877

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	5.218.593.640	1.268.263.486
- Giảm giá hàng bán	69.762.146	374.500.000
- Chiết khấu thương mại	-	110.657.776
Cộng	5.288.355.786	1.753.421.262

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu vỏ xe	336.653.063.279	242.951.810.054
- Doanh thu nhựa	73.464.427.767	69.838.058.811
- Doanh thu cáp	59.322.408.314	22.304.350.683
- Doanh thu điện thoại	6.525.331.553	21.302.791.067
Cộng	475.965.230.913	356.397.010.615

6.4 Giá vốn hàng bán

Là giá vốn vỏ xe, nhựa, cáp và điện thoại.

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn vỏ xe	298.348.301.536	216.228.948.284
- Giá vốn nhựa	50.781.690.232	43.814.510.871
- Giá vốn cáp	58.784.004.359	35.775.761.536
- Giá vốn điện thoại	5.642.747.223	19.522.057.962
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.499.492.181)	2.881.146.232
Cộng	412.057.251.169	318.222.424.885

6.5 Doanh thu tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	208.873.253	163.144.348
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	160.033.476	7.056.799
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	129.392.967	-
Cộng	498.299.696	170.201.147

6.6 Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	13.596.847.514	7.106.187.853
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.526.605.878	4.618.959.245
- Khác	639.013.342	1.187.537.376
Cộng	16.762.466.734	12.912.684.474

6.7 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lương nhân viên bán hàng	3.536.605.555	1.646.327.000
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.643.783	8.650.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	226.550.203	114.401.721
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.300.381.374	6.730.804.123
- Chi phí bằng tiền khác	608.022.980	536.468.219
Cộng	12.673.203.895	9.036.651.063

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lương nhân viên quản lý	4.577.201.016	4.098.421.646
- Chi phí khấu hao TSCĐ	711.828.740	833.920.458
- Chi phí dự phòng	710.458.997	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.593.995.578	3.846.294.757
- Chi phí bằng tiền khác	561.882.163	476.814.372
Cộng	11.155.366.494	9.255.451.233

6.9 Thu nhập khác

Chủ yếu là thu nhập từ việc nhượng bán phế liệu thu hồi.

6.10 Chi phí khác

Chủ yếu là giá vốn hàng bán của phế liệu thu hồi.

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi tiết gồm:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.921.184.000
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu Thuế thu nhập doanh nghiệp	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	435.010.201
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	25.356.194.201
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (25%)	6.339.048.550

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.582.135.450	6.746.324.456
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.582.135.450	6.746.324.456
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	10.595.444
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.429,40	636,72

7 THÔNG TIN KHÁC

So sánh việc áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC (Thông tư 201) ngày 11 tháng 09 năm 2009 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán số 10 (Chuẩn mực số 10)

Năm 2010, Công ty áp dụng Thông tư số 201 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp (xem mục 2.2 của Thuyết minh này). Theo đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 1.991.216.558 đồng được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán (chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”) thay vì kết chuyển vào thu nhập theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 10, điều này làm ảnh hưởng đến Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 1.991.216.558 đồng từ 24.921.184.000 đồng có thể thành 26.912.400.558 đồng.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 11 tháng 02 năm 2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ, áp dụng cho ngày 11 tháng 02 năm 2011 từ 18.932,00 VND/USD thành 20.693,00 VND/USD, tăng 9,3% so với trước đó, điều này có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính tiếp theo đối với các hoạt động giao dịch có liên quan đến gốc ngoại tệ.

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm bao gồm:


Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT	Vay	11.665.814.420
		Trả tiền vay	17.787.634.420
Công ty Cổ phần Vĩnh Đại	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng	23.774.797.624
Công ty TNHH Châu Thới	Ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT) là thành viên của Công ty TNHH Châu Thới. Công ty TNHH Châu Thới bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng vay số 0313/HDTD2-VIB625/09 ngày 20/10/2009, tài sản bảo lãnh là quyền sử dụng đất 8.681,88 m ² tọa lạc tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.		
		Công nợ phải thu khác	1.353.062.169

Các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2010


Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cuối năm
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT	Số dư nợ vay	6.436.880.000 (#USD 340,000.00)
Công ty Cổ phần Vĩnh Đại	Công ty liên kết	Phải thu của khách hàng	10.621.121.019
		Phải trả người bán	1.336.458.993

Bình Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu


Trần Thụy Mỹ Khanh

Kế toán trưởng


Duong Minh Hoa

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thới Hồng
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC